

Bản án số: **07/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/01/2025.

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R**

#### **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

Bà Lương Thị Kim Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố R.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 500/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 434/52/2A Trần Khánh Dư, P. An Hòa, TP R, Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 284/7A Trần Khánh Dư, P. An Hòa, TP R, Kiên Giang.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày:** Tôi và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 2002 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn hòa hợp như trước đây. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố là tôi và ông Trần Văn T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Xuyên xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoài Nhớ, sinh ngày 27/11/2003 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 18/02/2006 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Xuyên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà Xuyên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung ông Trí đều thống nhất theo ý kiến của bà Xuyên. Ngoài ra ông Trí không có ý kiến.

- Về hôn nhân: Ông Trí đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nhân.

- Về con chung: Ông Trí xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoài Nhớ, sinh ngày 27/11/2003 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 18/02/2006 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trí xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trí xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

Bị đơn ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ án:** Bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đời sống chung không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nên bà Xuyên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Trí. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Trí hoàn toàn thống nhất theo yêu cầu ly hôn của bà Xuyên.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Xuyên và ông Trí đã không tuân thủ các quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000 sau nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoài Nhớ, sinh ngày 27/11/2003 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 18/02/2006 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận có 02 người con chung tên Trần Hoài Nhớ, sinh ngày 27/11/2003 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 18/02/2006 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Xuyên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007722 ngày 06/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, bà Xuyên không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP R;
- Chi cục THA dân sự TP R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Thị Thanh Loan**

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R  
TỈNH KIÊN GIANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 14 tháng 01 năm 2025

Tại trụ sở TAND thành phố R

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Kim Nhung** và bà **Nguyễn Thị Thùy**

### Ngân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 500/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 434/52/2A Trần Khánh Dư, P. An Hòa, TP R, Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 284/7A Trần Khánh Dư, P. An Hòa, TP R, Kiên Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/06/2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ X và ông Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Hoài Nhớ, sinh ngày 27/11/2003 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 18/02/2006 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà Xuyên và ông Trí xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Xuyên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007722 ngày 06/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, bà Xuyên không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....phút ngày 14 tháng 01 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**